

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: C 4

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011901121	Đinh Diệp Bảo An		1	110.000	12		240.000	11		59.400	409.400			409.400	
2	NAN011901122	Từ Ngọc Tuấn Anh		1	110.000	12		240.000	11		59.400	409.400			409.400	
3	NAN011901123	Nguyễn Thùy Anh		1	110.000	11		220.000	7		37.800	367.800			367.800	
4	NAN011901124	Nguyễn Ngọc Bảo Châu		1	110.000	15		300.000	15		81.000	491.000			491.000	
5	NAN011901125	Nguyễn Đình Minh Đăng		1	110.000	4		80.000				190.000			190.000	
6	NAN011901126	Nguyễn Quang Hải Đăng		1	110.000	6		120.000	6		32.400	262.400			262.400	
7	NAN011901127	Trần Thị Minh Hiền		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
8	NAN011901128	Nguyễn Đức Minh Khang		1	110.000	12		240.000	12		64.800	414.800			414.800	
9	NAN011901129	Cao Đan Linh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
10	NAN011901130	Trần Hà My		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
11	NAN011901131	Nguyễn Doãn Bảo Nam		1	110.000	7		140.000	8		43.200	293.200			293.200	
12	NAN011901132	Trần Thị Bảo Ngọc		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
13	NAN011901133	Nguyễn Duy Phát		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
14	NAN011901134	Trần Trung Bá Quốc		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
15	NAN011901135	Nguyễn Đức Tấn Tài		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
16	NAN011901136	Trịnh Anh Thư		1	110.000	12		240.000	12		64.800	414.800			414.800	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011901137	Nguyễn Thị Tú Uyên		1	110.000	11		220.000				330.000			330.000	
18	NAN011901138	Nguyễn Đức Hoàng Vũ		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
19	NAN011901139	Trần Thảo Vy		1	110.000	14		280.000	13		70.200	460.200			460.200	
20	NAN011901140	Nguyễn Thảo Vy		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
21	NAN011901205	Nguyễn Thị Yến Nhi		1	110.000	14		280.000				390.000			390.000	
Tổng cộng				21	2.310.000	280		5.600.000	221		1.193.400	9.103.400			9.103.400	

Bằng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu